

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN

BÁO CÁO SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

Đề tài:

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP
NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁO VIÊN
TRONG GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT Ở LỚP 1**

Tác giả: Vũ Thị Minh Thảo

Đơn vị công tác: Trường tiểu học Chu Văn An

ĐẮK SONG, THÁNG 5/2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN

BÁO CÁO SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

Đề tài:

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP
NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁO VIÊN
TRONG GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT Ở LỚP 1**

Lĩnh vực/ Môn: Quản lý giáo dục

Tên tác giả: Vũ Thị Minh Thảo

GV môn (hoặc chức vụ): Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường tiểu học Chu Văn An

ĐẮK SONG, THÁNG 3 /2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
MỞ ĐẦU	
1. Lí do chọn đề tài	4
2. Mục đích nghiên cứu	6
3. Đối tượng nghiên cứu	6
4. Phương pháp nghiên cứu	6
5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu	6
NỘI DUNG	7
I. Cơ sở lí luận	7
1. Khái niệm	7
2. Cơ sở lí luận	7
II. Thực trạng giảng dạy và đánh giá chất lượng học tập môn Tiếng Việt lớp 1 ở trường tiểu học Trần Hưng Đạo	12
1. Đặc điểm tình hình chung	12
2. Thực trạng dạy học, đánh giá môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1 năm học 2020-2021	13
III. Giải pháp	20
1. Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch giáo dục với sự tham gia	20
2. Tăng cường quản lý hoạt động của các nhóm lớp trên mạng xã hội	21
3. Phát huy vai trò và lựa chọn thời điểm kiểm tra nội bộ phù hợp để tăng cường trách nhiệm của giáo viên trong dạy học, đánh giá chất lượng học tập Tiếng Việt của học sinh	23
IV. Kết quả	25
KẾT LUẬN	32
1. Kết luận	32
2. Kiến nghị	33
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	34

A. PHẦN MỞ ĐẦU

I. Lý do chọn đề tài

Theo quy định về chương trình môn học/hoạt động giáo dục cũng như đánh giá kết quả học tập của Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2006 cũng như CTGDPT 2018 các môn học có bài kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I, cuối năm học: Toán, Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lí, Khoa học, Ngoại ngữ/Ngoại ngữ 1, Tin học/Tin học và công nghệ, riêng môn Toán và Tiếng Việt lớp 4,5 có thêm bài kiểm tra giữa học kỳ I, giữa học kỳ II; đối với lớp 1 môn học bắt buộc có bài kiểm tra định kỳ là môn Toán và Tiếng Việt.

CTGDPT 2006 quy định việc đánh giá chất lượng cuối năm, xét hoàn thành chương trình lớp học (HTCTLH) được thực hiện dựa trên kết quả nhận xét đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, trong đó học sinh được xét HTCTLH với điều kiện các môn học/ hoạt động giáo dục được đánh giá định kỳ cuối năm học: hoàn thành tốt (HTT) hoặc hoàn thành, đánh giá định kỳ về từng năng lực phẩm chất cuối năm Tốt hoặc Đạt. HS được khen thưởng danh hiệu Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện khi kết quả đánh giá các môn học đạt HTT, các năng lực phẩm chất đạt Tốt, bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 9 điểm trở lên. Học sinh có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc về một môn học hoặc ít nhất một năng lực, phẩm chất được giáo viên giới thiệu và tập thể lớp công nhận.

CTGDPT 2018 quy định việc đánh giá chất lượng cuối năm, xét hoàn thành CTLH được thực hiện dựa trên kết quả nhận xét đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, trong đó học sinh được xét HTCTLH với điều kiện các môn học/ hoạt động giáo dục được đánh giá hoàn thành/đạt và bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 5 điểm trở lên. Học sinh được khen thưởng danh hiệu Học sinh Xuất sắc khi được đánh giá kết quả giáo dục đạt mức hoàn thành xuất sắc (các môn

học/hoạt động giáo dục (HĐGD) đạt mức HTT; các phẩm chất năng lực đạt mức Tốt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm của các môn học đạt điểm 9 trở lên). Học sinh được khen thưởng danh hiệu Học sinh tiêu biểu HTT trong học tập và rèn luyện khi được đánh giá kết quả giáo dục đạt mức HTT (chưa đạt mức Hoàn thành Xuất sắc, nhưng có kết quả đánh giá các môn học, HĐGD đạt mức HTT; các phẩm chất năng lực đạt mức Tốt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 7 điểm trở lên), đồng thời có thành tích xuất sắc về ít nhất một môn học hoặc có tiến bộ rõ rệt ít nhất một phẩm chất, năng lực; được tập thể lớp công nhận.

Với một học sinh có khả năng tiếp thu bình thường, nếu giáo viên thực hiện tốt các quy định về chương trình, áp dụng phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng, có trách nhiệm với học sinh trong suốt quá trình học tập tại lớp cũng như phối kết hợp với phụ huynh trong việc kèm cặp, rèn luyện tại gia đình chắc chắn kết thúc năm học học sinh sẽ đạt được các yêu cầu mà chương trình quy định. Bên cạnh đó, sự nhận xét, đánh giá phù hợp kết quả đạt được so với yêu cầu cần đạt của học sinh cùng với sự khuyến khích, động viên, hỗ trợ kịp thời của giáo viên sẽ giúp quá trình học tập của học sinh đạt hiệu quả.

Trên thực tế tại đơn vị công tác, theo dõi cho thấy quá trình dạy học, giáo viên đã bám vào mục tiêu chương trình môn học/HĐGD của khối lớp đảm nhiệm để xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ năm học, xây dựng các chỉ tiêu phù hợp với đặc thù học sinh của lớp và đề ra những biện pháp giảng dạy theo điều kiện nhà trường và đối tượng học sinh, thực hiện đánh giá học sinh tương đối nghiêm túc. Tuy nhiên, trong khi xem xét tới từng lớp học, thậm chí từng đối tượng học sinh cụ thể, đâu đó việc dạy học và đánh giá học sinh chưa thực sự hiệu quả, thậm chí có trường hợp còn biểu hiện của sự chạy theo thành tích. Đơn cử như: học sinh lớp 1 có khả năng tiếp thu bình thường nhưng đọc, viết chưa đạt được tốc độ tối thiểu theo quy định tại thời điểm kiểm tra vẫn được đánh giá hoàn thành. Như vậy, nếu quá trình quản lý thiếu sâu sát thì sẽ dẫn đến tình trạng giáo viên thiếu trách nhiệm

trong quá trình giảng dạy, nhận xét, đánh giá, khen thưởng học sinh thiếu thực chất dẫn đến tình trạng chạy theo thành tích trong giáo dục.

Từ thực tế yêu cầu và thực tế công tác quản lí, là một cán bộ quản lí phụ trách chuyên môn tôi nhận thấy cần tăng cường các biện pháp quản lí hoạt động dạy học và đánh giá học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, cũng như vai trò trách nhiệm của người giáo viên nói chung, giáo viên lớp 1 nói riêng trong quá trình dạy học, do vậy tôi mạnh dạn đề xuất: “Một số biện pháp nâng cao trách nhiệm của giáo viên trong giảng dạy và đánh giá chất lượng học tập môn Tiếng Việt ở lớp 1”

2. Mục đích nghiên cứu:

Thông qua đánh giá thực trạng hoạt động dạy học, đánh giá chất lượng môn Tiếng Việt 1, năm học 2019-2020 tại trường tiểu học Trần Hưng Đạo, thị trấn Đức An, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông để rút ra nhận xét có tính khoa học, đề xuất những biện pháp quản lí nhằm nâng cao trách nhiệm của giáo viên trong giảng dạy và đánh giá chất lượng học tập môn Tiếng Việt ở lớp 1 .

3. Đối tượng nghiên cứu

Một số biện pháp nâng cao trách nhiệm của giáo viên trong giảng dạy và đánh giá chất lượng học tập môn Tiếng Việt ở lớp 1.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tra cứu tài liệu, điều tra khảo sát, phỏng vấn, quan sát, phân tích, tổng hợp.

5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

- Thời gian: Áp dụng thử từ tháng 3/2021 đến tháng 5/2021
- Một số biện pháp quản lí hoạt động dạy học, đánh giá chất lượng học tập môn Tiếng Việt của giáo viên ở lớp 1 tại trường tiểu học Trần Hưng Đạo.

B. NỘI DUNG

I. Cơ sở lí luận

1. Khái niệm:

Theo Wikipedia: Trách nhiệm là phần việc được giao cho hoặc coi như được giao cho, phải bảo đảm làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu phần hậu quả.

2. Cơ sở lí luận:

Nghị quyết số: 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2013, Nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo “ ... Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học”. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng”. Trong các nhiệm vụ giải pháp, Nghị quyết cũng chỉ rõ: “ Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng”.

CTGDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) yêu cầu cần đạt đối với môn Tiếng Việt lớp 1 như sau (trích một số nội dung cơ bản):

- Đọc: Đọc với tốc độ tối thiểu 30 tiếng/phút biết ngắt nghỉ hơi ở chỗ có dấu

câu; hiểu nghĩa từ trong bài, hiểu nội dung htoong bao của câu, đoạn, bài.

- Viết: Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 chữ tốc độ 30 chữ/15 phút (nghe- viết, nhìn-viết); biết điền từ vào chỗ chấm để hoàn chỉnh câu văn.

- Nói: Nói rõ ràng, đủ nghe, liền mạch cả câu trả lời đúng vào nội dung câu hỏi, bước đầu biết đặt câu hỏi đơn giản; biết giới một vài câu về bản thân, người thân hoặc về một đồ vật quen thuộc,...

- Nghe: Nghe hiểu đúng câu hỏi đơn giản, lời kể, lời hướng dẫn, yêu cầu của người đối thoại; nghe hiểu nội dung và kể lại được mẩu chuyện đơn giản có kèm tranh minh họa hoặc lời gợi ý.

CTGDPT tổng thể ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT, xác định mục tiêu, các yêu cầu cần đạt đối với các môn học/hoạt động giáo dục của các lớp. Từ yêu cầu cần đạt đối với môn Tiếng Việt lớp 1 có thể nhận thấy một số yêu cầu cơ bản về các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết học sinh cần đạt khi kết thúc chương trình môn học như sau:

- Đọc: Đọc với tốc độ 40-60 tiếng/phút, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ. Bước đầu biết đọc thầm. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện trong tranh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ.

- Viết: Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 - 35 chữ theo các hình thức nhìn - viết (tập chép), nghe - viết. Tốc độ viết khoảng 30 - 35 chữ trong 15 phút.

- Nói: Nói rõ ràng, thành câu. Biết nhìn vào người nghe khi nói. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. Biết giới thiệu

ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý. Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh).

- Nghe: Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học. Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu?

Nói, nghe tương tác: Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản.

Như vậy so với Chương trình 2006, Chương trình 2018 có nâng cao yêu cầu.

Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ GD&ĐT về sửa đổi bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 /8/2014, quy định về đánh giá định kì về học tập như sau:

- Vào giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học, giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và chuẩn kiến thức, kĩ năng để đánh giá học sinh đối với từng môn học, HĐGD theo các mức sau:

+ Hoàn thành tốt: thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn học hoặc HĐGD;

+ Hoàn thành: thực hiện được các yêu cầu học tập của môn học hoặc HĐGD;

+ Chưa hoàn thành: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn học hoặc HĐGD;

- Vào cuối học kì I và cuối năm học, đối với các môn học: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học, Tiếng dân tộc có bài kiểm tra định kì;

Đối với lớp 4, lớp 5, có thêm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt, môn Toán vào giữa học kì I và giữa học kì II.

Thông tư cũng quy định yêu cầu để xét HTCTLH và khen thưởng như sau:

- Xét HTCTLH:

+ Đánh giá định kì về học tập cuối năm học của từng môn học và HĐGD: HTT hoặc HT;

+ Đánh giá định kì về từng năng lực và phẩm chất cuối năm học: Tốt hoặc Đạt;

+ Bài kiểm tra định kì cuối năm học của các môn học đạt điểm 5 trở lên.

- Khen thưởng:

+ Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện: kết quả đánh giá các môn học đạt HTT, các năng lực, phẩm chất đạt Tốt; bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn học đạt 9 điểm trở lên;

+ Học sinh có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc về ít nhất một môn học hoặc ít nhất một năng lực, phẩm chất được giáo viên giới thiệu và tập thể lớp công nhận;

Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT quy định: “ Vào giữa học kỳ I, cuối học kỳ I, giữa học kỳ II và cuối năm học, giáo viên dạy môn học căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và yêu cầu cần đạt, biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, HĐGD để đánh giá học sinh đối với từng môn học, HĐGD theo các mức sau:

- Hoàn thành tốt: thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc HĐGD;

- Hoàn thành: thực hiện được các yêu cầu học tập và có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc HĐGD;

- Chưa hoàn thành: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập hoặc chưa có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc HĐGD.

Cũng theo Thông tư 27/TT-BGDĐT, vào cuối học kỳ I và cuối năm học, đối với các môn học bắt buộc: Tiếng Việt, Toán, Ngoại ngữ 1, Lịch sử và Địa lí, Khoa học, Tin học và Công nghệ có bài kiểm tra định kỳ”. Như vậy, Tiếng Việt lớp 1 có hai bài kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I và cuối năm học. Theo đó, việc đánh giá chất lượng cuối năm, xét HTCTLH được thực hiện dựa trên kết quả nhận xét đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, trong đó học sinh được xét HTCTLH với điều kiện các môn học/ HĐGD được đánh giá HT/Đạt và bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 5 điểm trở lên. Học sinh được khen thưởng danh hiệu Học sinh Xuất sắc khi được đánh giá kết quả giáo dục đạt mức hoàn thành xuất sắc (các môn học/hoạt động giáo dục đạt mức HTT; các phẩm chất năng lực đạt mức Tốt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm của các môn học đạt điểm 9 trở lên). Học sinh được khen thưởng danh hiệu Học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện khi được đánh giá kết quả giáo dục đạt mức HTT (chưa đạt mức Hoàn thành Xuất sắc, nhưng có kết quả đánh giá các môn học, HĐGD đạt mức HTT; các phẩm chất năng lực đạt mức Tốt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 7 điểm trở lên), đồng thời có thành tích xuất sắc về ít nhất một môn học hoặc có tiến bộ rõ rệt ít nhất một phẩm chất, năng lực; được tập thể lớp công nhận.

Công văn 1349/SGDĐT-TTr ngày 21/9/2020 của Sở GD&ĐT Đắk Nông V/v hướng dẫn công tác kiểm tra, kiểm tra nội bộ (KTNB) năm học 2020-2021 trong đó tiếp tục triển khai thực hiện Công văn 1456/SGDĐT-TTr ngày 15/8/2017 của Sở GD&ĐT Đắk Nông về việc hướng dẫn công tác KTNB trường học. Công văn đã hướng dẫn các cơ sở thực hiện 09 nội dung KTNB, trong đó có Kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên, kiểm tra học sinh, kiểm tra lớp học. Một trong những phương pháp để kiểm tra nội dung hoạt động sư phạm của giáo viên là nghiên cứu sản phẩm hoạt động của học sinh, cụ thể: Có thể xem vở ghi học tập của học sinh, túi lưu các bài kiểm tra, bài thi của học sinh mà giáo viên đã chấm,

sản phẩm lao động của học sinh. Ngoài ra để kiểm tra kết quả giảng dạy của giáo viên cần thống kê kết quả quá trình học tập của học sinh, xem xét kết quả kiểm tra chất lượng định kỳ. Cũng có thể xem xét kết quả kiểm tra miệng, kiểm tra viết toàn thể học sinh hoặc một số học sinh trong lớp sau khi dự giờ...

Đối với Kiểm tra học sinh với bốn nội dung kiểm tra, trong đó có nội dung kiểm tra trình độ văn hóa - khoa học - kỹ thuật của học sinh (ý thức học tập, phương pháp học tập, khả năng tiếp thu tri thức, kỹ năng thực hành, kết quả học tập) với phương pháp kiểm tra: Sử dụng các phương pháp kiểm tra/đo lường các thành quả giáo dục về trí, đức, thể, mỹ.

Các nội dung trên là cơ sở để thực hiện đổi mới công tác quản lý, nâng cao trách nhiệm của giáo viên trong hoạt động giảng dạy, giáo dục và chất lượng, hiệu quả giáo dục tại nhà trường nói chung cũng như nâng cao trách nhiệm và hiệu quả của việc dạy học môn Tiếng Việt 1 nói riêng.

II. Thực trạng giảng dạy và đánh giá chất lượng học tập môn Tiếng Việt lớp 1 ở trường tiểu học Trần Hưng Đạo

1. Đặc điểm tình hình chung

Năm học 2020-2021 là năm học đầu tiên thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1. Chính vì vậy, nội dung chương trình, sách giáo khoa, quy định về đánh giá, nhận xét học sinh có sự đổi mới so với chương trình 2006. Xét trên mức độ về yêu cầu cần đạt của hai chương trình về môn Tiếng Việt, đặc biệt là phân đọc (đọc thành tiếng), viết (nhìn viết, nghe viết) ta thấy Chương trình 2018 có yêu cầu cao hơn về đọc, cụ thể Chương trình yêu cầu cần đạt về đọc thành tiếng với tốc độ 40-60 tiếng/phút, trong khi đó Chương trình 2006 quy định tốc độ tối thiểu 30 tiếng/phút; về viết đoạn bài cả hai chương trình có sự tương đồng về yêu cầu cần đạt (Chương trình 2006 yêu cầu tốc độ tối thiểu 30 chữ/15 phút, Chương trình 2018 yêu cầu tốc độ khoảng 30 -35 chữ/15 phút).

Năm học 2020-2021 về điều kiện dạy học, nhà trường thực hiện chương trình 2 buổi/ngày đối với lớp 1. Với số lớp ít (02 lớp) nên nhà trường đã tổ chức

phân công giáo viên có kinh nghiệm làm công tác chủ nhiệm lớp 1, tổ chức đầu tư thiết bị dạy học tối thiểu và tỉ mỉ thông minh cho mỗi lớp, đáp ứng điều kiện dạy học tích cực. Về học sinh, trên 95% học sinh là người Kinh, 97% học sinh đi học đúng độ tuổi, đa số học sinh nhận biết được bảng chữ cái trước nhập học, số học sinh khuyết tật, học sinh khó khăn về học ít nên thuận lợi trong quá trình giao tiếp, tiếp thu bài học. Tuy nhiên, do đại đa số các em thuộc gia đình thuần nông, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên các điều kiện học tập chưa thực sự đáp ứng nhu cầu, thiếu sự rèn cặp khi học tập ở nhà, hơn nữa diễn biến phức tạp của dịch bệnh covid nên trong một số thời điểm (học kỳ II), việc thực hiện chương trình được triển khai thực hiện thông qua giao bài trên hệ thống OLM, trên zalo nhóm, giao bài bằng phiếu,...do đó việc đảm bảo chất lượng dạy học nói chung và chất lượng dạy học môn Tiếng Việt nói riêng gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù là năm học đầu tiên thực hiện chương trình mới nhưng việc tiếp cận hình thức tổ chức dạy học và phương pháp đánh giá, nhận xét đối với giáo viên không gặp nhiều khó khăn do ở các năm học trước giáo viên đã được tiếp cận và thực hiện dạy học với các phương pháp tích cực, đồng thời thực hiện đánh giá học sinh trên cơ sở xem xét sự tiến bộ của các em.

2. Thực trạng dạy học, đánh giá môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1 năm học 2020-2021

Không chỉ khi thực hiện CTGDPT 2018 mà ngay cả khi thực hiện CTGDPT 2006, để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình, đòi hỏi người giáo viên phải xây dựng được một kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện nhà trường, khả năng, trình độ giáo viên và đặc thù học sinh của lớp học được phân công. Theo đó, trong nhiều năm trở lại đây, đặc biệt là trong thời điểm năm học 2019-2020 khi chuẩn bị thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, thực hiện chỉ đạo của nhà trường các giáo viên nói chung, giáo viên lớp 1 nói riêng đã tổ chức lập kế hoạch giáo dục trong từng năm học, trong đó đánh giá tình hình và các điều kiện thực hiện HGD về cơ sở vật chất, trang thiết bị, sự lãnh đạo, chỉ

đạo của nhà trường, về khả năng trình độ nhận thức của học sinh cũng như các điều kiện dạy học khác từ đó xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ và đề ra một số giải pháp để thực hiện. Tuy nhiên, công tác xây dựng kế hoạch đầu đó vẫn thể hiện sự thiếu chủ động, thiếu phối hợp trong cùng tham gia xây dựng kế hoạch. Giáo viên xây dựng kế hoạch chủ yếu bằng hình thức dựa trên một khung sẵn có, các thông tin cần thiết cho việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch còn sơ sài, chưa đánh giá cụ thể, chi tiết về đối tượng người học về khả năng, sở thích, sự đáp ứng trong học tập,... Bên cạnh đó, việc phối hợp với phụ huynh học sinh để xây dựng kế hoạch dạy học chưa được giáo viên chủ động, do đó thiếu sự trao đổi, chia sẻ thông tin hoàn cảnh gia đình học sinh, điểm mạnh, điểm yếu, nhu cầu sở thích của các em khi ở nhà cũng như khả năng và điều kiện phụ huynh có thể tác động, hỗ trợ con em hoàn thành yêu cầu học tập và luyện tập kiến thức trong cuộc sống chưa được giáo viên khai thác tìm hiểu triệt để. Giáo viên chưa thường xuyên liên hệ, trao đổi về tình hình học tập, hỗ trợ phụ huynh phương pháp hướng dẫn học sinh khi học tập và vận dụng kiến thức tại gia đình.

Lập kế hoạch còn là sự chủ động trong điều kiện thay đổi bất thường của thiên tai, dịch bệnh,... Từ năm học 2019-2020, dịch bệnh Covid-19 xuất hiện và diễn biến ngày càng phức tạp gây ảnh hưởng cho quá trình tổ chức thực hiện chương trình giáo dục, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của quá trình dạy và học của giáo viên và học sinh. Năm học 2020-2021 dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp, tại một số thời điểm trong năm học nhất là trong học kỳ II, học sinh phải tạm dừng đến trường, việc thực hiện chương trình được thực hiện bằng các hình thức giao việc thông qua phiếu giao việc, qua nhóm zalo lớp và nhiều hình thức khác. Đối với học sinh lớp 1 đang trong giai đoạn học chữ, việc dừng học tập trực tiếp càng gây ra nhiều khó khăn và áp lực cho giáo viên. Trong điều kiện đó, thực hiện sự chỉ đạo của nhà trường, các giáo viên đã thực hiện các hình thức dạy học, đặc biệt là dạy đọc viết thông qua hình thức giao bài thông qua hệ thống OLM với học liệu sẵn có kết hợp với học liệu tự tạo bằng việc hướng dẫn phụ huynh học sinh

tiếp cận và cùng hướng dẫn con em thực hiện các yêu cầu học tập. Bên cạnh đó các hình thức giao bài trong nhóm zalo được các giáo viên ứng dụng với nhiều tiện ích. Mặc dù vậy, việc theo dõi học sinh thực hiện yêu cầu học tập chưa thường xuyên và chưa có sự phối hợp nhịp nhàng giữa giáo viên và phụ huynh dẫn đến tình trạng nhiều học sinh học tập kém hiệu quả do thiếu sự kèm cặp, hướng dẫn, đôn đốc của cha mẹ và giáo viên.

Trong quá trình dạy học trên lớp, giáo viên đã chú ý đến việc dạy học cá thể, chú ý đến khả năng của từng học sinh để đưa ra yêu cầu phù hợp. Ngay từ đầu năm, khi dạy học sinh về âm, vần giáo viên đã chú ý đến việc nắm bắt và vận dụng kiến thức của mỗi bài học đối với học sinh, ngoài việc giao việc trên lớp, giáo viên cũng thực hiện giao việc ở nhà cho các em. Khi dạy chương trình học kỳ II, bên cạnh việc dạy đọc thành tiếng, giáo viên đã chú ý hướng dẫn học sinh từng bước biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ, bước đầu biết đọc thầm. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ. Đa số học sinh nói rõ ràng, thành câu, biết nhìn vào người nghe khi nói; đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi; nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe; biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý; kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh); biết chú ý nghe người khác nói, biết hỏi lại những điều chưa rõ, nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu? Biết trao đổi, chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản.

Đối với việc đánh giá học sinh, trong quá trình dạy học, giáo viên thực hiện đánh giá thường xuyên đối với học sinh về mức độ tham gia học tập và kết quả đạt được trong mỗi bài học, hoạt động giáo dục về khả năng ghi nhớ mặt chữ, khả năng tạo tiếng, từ, câu từ các âm vần, tiếng từ được học; khả năng và mức độ đọc

rõ ràng, lưu loát, khả năng hiểu từ câu, ý diễn đạt trong bài và kỹ năng trả lời câu hỏi, trao đổi với bạn bè; khả năng và kết quả nhìn viết, nghe viết,... Bên cạnh việc đánh giá thường xuyên, giáo viên thực hiện đánh giá định kỳ theo các mức độ đã được quy định. Riêng đánh giá định kỳ cuối học kỳ I và cuối năm học môn Toán, môn Tiếng Việt có bài kiểm tra, trên cơ sở đánh giá thường xuyên và kết quả kiểm tra cuối học kỳ, cuối năm học, giáo viên thực hiện đánh giá, nhận xét học sinh theo các mức độ. Nhìn chung, giáo viên đã thực hiện theo hướng dẫn, đa số các trường hợp đánh giá, nhận xét của giáo viên đã phản ánh đúng chất lượng thực trong học tập, rèn luyện môn học của các em, đồng thời trong đánh giá thường xuyên thể hiện được sự ghi nhận những gì học sinh đã làm được và sự tiến bộ của học sinh, chuyển những điều học sinh chưa làm được thành câu hỏi gợi mở để học sinh có cơ hội giải thích hoặc trình bày lại được cách làm đúng, đưa ra khuyến nghị để học sinh thực hiện nhằm cải thiện kết quả học tập theo mục tiêu

Tuy nhiên, qua theo dõi đánh giá định kỳ cuối học kỳ I, giáo viên còn bộc lộ một số hạn chế trong đánh giá như: để việc cam kết thi đua, khen thưởng ảnh hưởng đến quá trình đánh giá, mặc dù không phải lúc nào cũng dễ dàng nhận biết, đặc biệt là việc đánh giá cuối kỳ. Vài năm học gần đây, đối với lớp 1, theo hướng dẫn của ngành kết thúc học kỳ I giáo viên mới tiến hành đăng ký chỉ tiêu thi đua, do đó có hiện tượng giáo viên có xu hướng đánh giá học sinh thấp hơn so với mức các em đạt được về phẩm chất, năng lực, từ đó giảm chỉ tiêu cam kết thi đua, giảm áp lực cho việc thực hiện chỉ tiêu trong học kỳ II; một xu hướng nữa cũng xảy ra là tình trạng “nhẹ tay” khi đánh giá cuối năm học, ví dụ: kiểm tra cuối năm học, học sinh đọc còn đánh vần nhiều, tốc độ chỉ đạt khoảng 20 tiếng/phút, nghe hiểu và trả lời câu hỏi chưa đạt, nghe viết chỉ từ 20 - 25 chữ/15 phút và còn sai nhiều lỗi chính tả cũng được giáo viên cho điểm 5 và đánh giá hoàn thành cũng có mục đích tương tự, dù mức độ nặng nhẹ khác nhau nhưng việc đánh giá thiếu chính xác về mức độ đạt được của học sinh dẫn đến hệ lụy là trách nhiệm trong giảng dạy, giáo dục của giáo viên không được xem trọng, phụ huynh không biết được chính xác khả năng

và kết quả học tập của con em dẫn đến tình trạng lo lắng hoặc chủ quan thái quá từ đó thiếu biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ phù hợp để con em tiến bộ, đồng thời gây ra những thành tích ảo trong nhà trường.

Từ thực tế dạy học trên có thể thấy, việc dạy học và đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1 tại nhà trường có những ưu điểm, hạn chế sau:

*** Ưu điểm:**

- Nhà trường đáp ứng cơ bản các điều kiện tối thiểu để đảm bảo cho công tác dạy học đạt hiệu quả, đặc biệt đã tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho học sinh lớp 1; thực hiện linh hoạt các biện pháp dạy học khi có dịch bệnh xảy ra; huy động đầu tư được một số thiết bị hiện đại phục vụ dạy học,....

- Đa số học sinh đi học đúng độ tuổi và có khả năng nhận thức, học tập bình thường, nhiều gia đình học sinh có điện thoại thông minh có sử dụng mạng 3G, 4G.

- Giáo viên đã tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục năm học và thực hiện dạy học nói chung, dạy học Tiếng Việt cho học sinh nói riêng trên cơ sở mục tiêu kế hoạch đã xác định và các nhiệm vụ, giải pháp đã dự kiến; Quá trình dạy học trên lớp giáo viên đã sử dụng phương pháp tương đối linh hoạt.

Giáo viên đã thực hiện tương đối tốt các yêu cầu về đánh giá thường xuyên học sinh, lời nhận xét, đánh giá đã thể hiện được sự ghi nhận, gợi mở và khuyến nghị đối với học sinh, không có sự so sánh giữa học sinh này với học sinh khác.

*** Hạn chế:**

- Thông tin cần thiết cho việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên còn sơ sài, chưa đánh giá cụ thể, chi tiết về đối tượng người học về khả năng, sở thích, sự đáp ứng trong học tập cũng như chưa được theo dõi cập nhật thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục cho phù hợp điều kiện;

- Việc theo dõi học sinh thực hiện yêu cầu học tập ở nhà đặc biệt là thực hiện yêu cầu học tập được giao khi dạy học bằng hình thức giao việc chưa thường xuyên và chưa có sự phối hợp nhịp nhàng giữa giáo viên và phụ huynh dẫn đến tình trạng nhiều học sinh học tập kém hiệu quả do thiếu sự kèm cặp, hướng dẫn, đôn đốc của cha mẹ và giáo viên.

- Có hiện tượng giáo viên có xu hướng đánh giá kết quả học sinh đạt được trong học kỳ I thấp hơn so với mức các em đạt được về phẩm chất, năng lực, để giảm chỉ tiêu cam kết thi đua, giảm áp lực cho việc thực hiện chỉ tiêu trong học kỳ II .

*Nguyên nhân hạn chế:

- Việc xây dựng kế hoạch giáo dục của giáo viên nhất là việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chưa thực sự đảm bảo, thiếu sự phối kết hợp với gia đình trong việc lập kế hoạch, các thông tin phục vụ công tác xây dựng và điều chỉnh kế hoạch đôi khi còn sơ sài, chưa đảm bảo tính khách quan;

- Công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa giáo viên với gia đình học sinh, biện pháp giao bài, hỗ trợ học tập đối với học sinh thông qua các ứng dụng mạng xã hội chưa được thực hiện chặt chẽ;

- Chưa phát huy hết vai trò của công tác KTNB đối với hoạt động dạy học, đánh giá học sinh của giáo viên, cũng như việc lựa chọn thời điểm kiểm tra chưa phù hợp..

Với thực trạng trên, qua kiểm tra, theo dõi và khảo sát chất lượng môn Tiếng Việt đạt được trên thực tế tại các lớp cuối học kỳ I năm học 2020-2021 so với đánh giá cho điểm của giáo viên như sau:

Thời điểm	Lớp	Số	Lần điểm	Điểm kiểm tra Tiếng Việt do GV chủ nhiệm chấm		Điểm do nhà trường thẩm định		Tỷ lệ chênh lệch tăng/ giảm so với kết quả đánh giá của GV ở mỗi lần điểm		Ghi chú
				SL	TL	SL	TL	Tăng	Giảm	
Học kỳ I năm học 2020-2021 (Khi chưa áp dụng thử)	1 A	37	10	0	0	0	0	0	0	<i>Có sự chênh lệch giữa chất lượng thực tế so với đánh giá của giáo viên đặc biệt ở lần điểm 9-10 và <5</i>
			9	4	10.81	6	16.22	5.41	0	
			8	4	10.81	3	8.11	0	2.7	
			7	9	24.32	9	24,32	0	0	
			6	9	24,32	9	24.32	0	0	
			5	5	13.51	6	16.22	2.71	0	
			<5	6	16.22	4	10.81	0	5.41	
Thời điểm	Lớp	Số	Lần điểm	Điểm kiểm tra Tiếng Việt do GV chủ nhiệm chấm		Điểm do nhà trường thẩm định		Tỷ lệ chênh lệch tăng/giảm so với kết quả đánh giá của GV ở mỗi lần điểm		Ghi chú
				SL	TL	SL	TL	Tăng	Giảm	
Học kỳ I năm học 2020-2021 (Khi chưa áp dụng thử)	1 B	38	10	0	0	0	0	0	0	<i>Có chênh lệch giữa chất lượng thực tế so với đánh giá của GV đặc biệt ở lần điểm 9-10 và <5</i>
			9	5	13.1	7	18.4	5.3	0	
			8	9	23.7	8	21.1	0	2.6	
			7	5	13.1	5	13.1	0	0	
			6	8	21.1	8	21.1	0	0	
			5	5	13.1	6	15.8	2.7	0	
			<5	6	15.8	4	10.5	0	5.3	

III. Giải pháp

Để đảm bảo chất lượng dạy học nói chung, dạy học môn Tiếng Việt 1 nói riêng đòi hỏi mỗi giáo viên phải tăng cường trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thực hiện tốt các yêu cầu về đổi mới phương pháp, linh hoạt, chủ động trong phối kết hợp các môi trường giáo dục,...nhà trường phải thực hiện tốt công tác chỉ đạo, đôn đốc, giám sát quá trình dạy học. Cụ thể, một số giải pháp như sau:

1. Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục với sự tham gia

Để việc dạy học đảm bảo chất lượng, trước hết nhà trường cần làm tốt công tác chỉ đạo và hướng dẫn giáo viên tổ chức tốt việc xây dựng kế hoạch giáo dục chất lượng, trong đó đánh giá rõ ràng, cụ thể về đặc điểm tình hình thực tế của lớp và công tác chủ nhiệm, dạy học về học sinh, giáo viên, điều kiện dạy học tại nhà trường, điều kiện học tập tại gia đình, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của nhà trường, đặc điểm chương trình môn học,... từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu, những cơ hội, những thách thức (hoặc xác định những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động giảng dạy, giáo dục). Trên cơ sở hướng dẫn của ngành, nhà trường cần cụ thể hóa các nội dung phải được thống kê, đánh giá làm cơ sở cho việc xác định mục tiêu, chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện có hiệu quả mục tiêu đã xác định. Hướng dẫn cụ thể về quy trình và phương pháp thực hiện xây dựng kế hoạch đảm bảo sự hợp lý về thứ tự các nhiệm vụ, thời gian thực hiện mỗi bước và thời gian hoàn thành, thành phần tham gia xây dựng kế hoạch, ...

Giáo viên cần có sự phối hợp chặt chẽ với giáo viên bộ môn, phụ huynh học sinh và học sinh để thu thập thông tin và xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc thù lớp học, dự kiến các phương án, biện pháp dạy học trong những điều kiện thiên tai, dịch bệnh từ phía giáo viên và từ phía gia đình. Việc tổ chức phối hợp thực hiện xây dựng kế hoạch được giáo viên tổ chức thông qua trao

đổi trực tiếp 1-1, trao đổi trực tiếp 1- nhiều, thông qua trao đổi trực tiếp hoặc nhóm zalo chung,...

Riêng đối với môn Tiếng Việt, giáo viên cần chủ động đề xuất để tìm ra giải pháp tốt nhất rèn đọc, viết, nghe nói ngay từ đầu năm học cho các em chẳng hạn như cách hướng dẫn cho học sinh đọc, viết, thực hành luyện nghe nói ở nhà; cách báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ và kết quả học tập của học sinh ở nhà cho giáo viên qua các ứng dụng mạng xã hội, chẳng hạn quay video học sinh đọc bài, nhìn viết, nghe viết bài ở nhà..

Tăng cường trao đổi, chia sẻ ý kiến từ nhiều bên liên quan (giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhà trường, học sinh, phụ huynh học sinh, cộng đồng (thôn xóm, tổ dân phố,...) để nắm bắt thông tin làm cơ sở định hướng và đề xuất mục tiêu, giải pháp là cách làm thực tế tốt nhất để giúp người giáo viên xây dựng và thực hiện được kế hoạch giáo dục một cách phù hợp, đầy đủ và chặt chẽ, là tiền đề đầu tiên cho việc đảm bảo chất lượng dạy học nói chung, dạy học Tiếng Việt 1 nói riêng..

2. Tăng cường quản lý hoạt động của các nhóm lớp trên mạng xã hội

Ứng dụng mạng xã hội trong hoạt động giáo dục được thực hiện nhiều kể từ khi xảy ra dịch bệnh Covid-19, việc ứng dụng mạng xã hội như facebook, messenger, zalo trong giáo dục đã và đang mang lại nhiều tiện ích, trong đó zalo là mạng xã hội được nhiều đơn vị ứng dụng để thực hiện công tác quản lý, dạy học. Ứng dụng mạng xã hội đặc biệt là zalo để dạy học không chỉ là nhu cầu bộc phát của cá nhân mà còn là sự định hướng, chỉ đạo của nhà trường. Ứng dụng zalo để trao đổi chia sẻ thông tin liên quan đến hoạt động dạy học giữa nhà trường với gia đình học sinh, để giao bài và hướng dẫn học tập cho học sinh, để báo cáo quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả học tập giữa học sinh với giáo viên,... Đối với việc dạy Tiếng Việt cho học sinh lớp 1, nhất là trong điều kiện dịch bệnh hoặc điều kiện đặc biệt khi học sinh phải tạm dừng đến trường thì ứng dụng mạng xã hội như zalo

để duy trì thực hiện chương trình một cách có hiệu quả là điều cần thiết quan trọng. Việc học chữ, biết đọc, viết là yêu cầu hàng đầu với học sinh lớp 1, trong giai đoạn này, việc thông tin liên lạc, hỗ trợ phụ huynh hướng dẫn con em học tập, thực hành tại gia đình là một nhiệm vụ không thể thiếu của giáo viên để đạt mục tiêu môn học. Với sự chỉ đạo, định hướng của nhà trường, bên cạnh việc sử dụng zalo để thông tin hai chiều, giáo viên còn sử dụng zalo để giao yêu cầu học tập và hướng dẫn học tập, chẳng hạn với môn Tiếng Việt, giáo viên có thể hướng dẫn phụ huynh cho học sinh đọc một bài học cụ thể, nhìn viết hay nghe viết một chữ hoặc một đoạn bài cụ thể, quá trình đọc, viết đó được phụ huynh quay video lại và gửi về zalo cá nhân của giáo viên (riêng đối với phụ huynh không có điện thoại thông minh giáo viên giao bài hoặc hướng dẫn bằng hình thức tin nhắn văn bản, phiếu giao việc,...) hoặc một số nội dung (giáo viên quy định) có thể gửi về zalo chung,.... Những nhận xét, đánh giá mang tính cá nhân, giáo viên sẽ nhắn riêng cho từng phụ huynh, những nhận xét đánh giá chung, hoặc những lưu ý chung giáo viên thực hiện trên nhóm zalo lớp....Tuy nhiên, để quá trình tổ chức thực hiện được thực hiện thường và hiệu quả đòi hỏi lãnh đạo nhà trường phải sâu sát, nắm bắt và đôn đốc kịp thời. Muốn vậy, cần tăng cường sự quản lý trong sử dụng và duy trì hoạt động của các nhóm zalo này. Để thực hiện điều đó, khi thiết lập các nhóm zalo, lãnh đạo nhà trường yêu cầu tất cả các nhóm đều phải mời Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham gia thành viên để theo dõi toàn bộ quá trình tổ chức hoạt động, hướng dẫn học tập, thông tin trao đổi với phụ huynh nhất là trong hoạt động dạy chữ và giáo dục. Khi là thành viên của nhóm, lãnh đạo nhà trường có thể kịp thời nắm bắt được nội dung giáo viên đã triển khai, những thông tin từ phụ huynh, học sinh để có biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời cho giáo viên, giúp quá trình thực hiện nhiệm vụ của giáo viên và nhà trường trở nên hiệu quả.

3. Phát huy vai trò và lựa chọn thời điểm kiểm tra nội bộ phù hợp để tăng cường trách nhiệm của giáo viên trong dạy học, đánh giá chất lượng học tập Tiếng Việt của học sinh

Như đã đánh giá, quá trình dạy học lớp 1, nhất là dạy học Tiếng Việt là một quá trình khó khăn, vất vả, để đạt được mục tiêu môn học theo quy định của chương trình, người giáo viên phải bỏ ra rất nhiều công sức. Cùng với phương pháp dạy học linh hoạt, giáo viên còn phải luôn nêu cao trách nhiệm trong quá trình dạy học. Tuy nhiên, hiện tượng chủ quan lơ là trong dạy học, thiếu chính xác trong đánh giá vì yếu tố chỉ tiêu thi đua,... vẫn xảy ra. Để hạn chế đến mức thấp nhất hiện tượng này, đòi hỏi nhà trường phải có biện pháp quản lí phù hợp mà kiểm tra nội bộ là biện pháp hữu hiệu nhất.

Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, kiểm tra học sinh, kiểm tra lớp học, kiểm tra hoạt động sư phạm tổ chuyên môn là những nội dung kiểm tra liên qua đến quá trình tổ chức thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục trong kế hoạch kiểm tra nội bộ. Trong các nội dung trên, kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo và kiểm tra học sinh là hai nội dung sát sườn với trách nhiệm của từng giáo viên trong việc dạy học, đánh giá học sinh. Do đó, khi xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, lãnh đạo nhà trường cần chú ý bố trí thời điểm phù hợp để thực hiện các nội dung kiểm tra trên sao cho việc kiểm tra của nhà trường vừa có thể là việc đôn đốc, nhắc nhở, động viên giáo viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, vừa có thể hỗ trợ giáo viên trong việc đưa ra các khuyến nghị, giải pháp hữu hiệu nhằm khắc phục hiện trạng chưa tốt, đồng thời cũng là việc giám sát quá trình dạy học, đánh giá của giáo viên để chấn chỉnh, tư vấn,.....

Khi tiến hành kiểm tra việc thực hoạt động sư phạm của giáo viên nói chung, nhất là quá trình thực hiện hoạt động dạy học Tiếng Việt cho học sinh nói riêng, người lãnh đạo cần đặc biệt quan tâm nghiên cứu sản phẩm hoạt động của học sinh, cụ thể như: vở ghi học tập, túi lưu các bài kiểm tra, bài thi của học sinh mà giáo

viên đã chấm, sản phẩm lao động của học sinh. Ngoài ra để kiểm tra kết quả giảng dạy của giáo viên cần thống kê kết quả quá trình học tập của học sinh, xem xét kết quả kiểm tra chất lượng định kỳ, cũng có thể xem xét kết quả kiểm tra miệng, kiểm tra viết toàn thể học sinh hoặc một số học sinh trong lớp sau khi dự giờ....Đặc biệt, để kiểm tra chất lượng học sinh (về đọc, viết, nói, nghe) tại thời điểm kiểm tra so với yêu cầu cần đạt của chương trình để từ đó có thể đưa ra những nhận xét, đánh giá, tư vấn hợp lý nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót, phát huy những điểm mạnh trong quá trình dạy học của giáo viên, từng bước nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt. Các biện pháp kiểm tra học sinh như: kiểm tra tốc độ đọc, viết so với yêu cầu của chương trình, khả năng trao đổi, trình bày ý kiến, khả năng nghe hiểu,...trong đó đặc biệt lưu ý đến khả năng đọc, viết. Quá trình kiểm tra cần so sánh, đối chiếu chất lượng thực tế khi kiểm tra so với nhận xét, đánh giá của giáo viên về học sinh tại thời điểm liền kề (đánh giá định kỳ gần nhất) xem việc đánh giá của giáo viên có phù hợp hay không.

Đối với hoạt động kiểm tra học sinh, nhà quản lý nên tiến hành vào 3 thời điểm: trước đánh giá định kỳ giữa học kỳ I, sau đánh giá định kỳ giữa học kỳ II và thời điểm kiểm tra, đánh giá cuối năm học. Cụ thể:

- Kiểm tra trước đánh giá định kỳ giữa học kỳ I để nắm bắt thực tế khả năng nhận thức, mức độ tiếp thu và kiến thức kỹ năng so với yêu cầu tại thời điểm đầu năm học, tránh tình trạng do chủ quan, thiếu sát sao của giáo viên mà chất lượng học sinh cuối học kỳ I sa sút hoặc việc đánh giá cuối kỳ I “thấp hơn” thực tế đạt được của học sinh để giảm áp lực chỉ tiêu.

- Kiểm tra học sinh sau đánh giá giữa học kỳ II (năm học 2020-2021 khi tiến hành giải pháp bắt đầu áp dụng tại thời điểm này), tại thời điểm này học sinh đã chuyển sang học phần luyện tập tổng hợp (chương trình 2018) được 6 tuần, kiểm tra thời điểm này giúp nhà quản lý nắm bắt được mức độ vận dụng kiến thức đã học trong luyện tập củng cố của học sinh cũng như những biện pháp tác động của

giáo viên để rèn các kỹ năng đọc, viết, nghe nói cho học sinh, cũng như dự kiến được mức độ đạt được mục tiêu chương trình của học sinh khi kết thúc năm học để đưa ra những ý kiến tư vấn phù hợp về phương pháp dạy học, về biện pháp phối hợp giữa giáo viên và học sinh, giúp giáo viên có giải pháp phù hợp và kịp thời nhằm đạt hiệu quả mục tiêu dạy học - vì từ thời điểm này đến khi kết thúc năm học là khoảng thời gian đủ dài để giáo viên có thể “chạy nước rút”.

- Kiểm tra học sinh tại thời điểm kiểm tra, đánh giá cuối năm học. Tại thời điểm kiểm tra này, nhà quản có thể kết hợp với công tác bàn giao chất lượng giữa các giáo viên năm trước với năm sau để giám sát kết quả kiểm tra, đánh giá. Để không gây áp lực cho học sinh, quá trình kiểm tra diễn ra một cách tự nhiên khi giáo viên chủ nhiệm là người tiến hành tất cả các hoạt động kiểm tra đối với học sinh, người nhận bàn giao - thành viên tổ kiểm tra sẽ là người quan sát quá trình và thực hiện thẩm định xác xuất kết quả đánh giá của giáo viên chủ nhiệm. Kiểm tra tại thời điểm này, tình trạng đánh giá “nhẹ tay” so với thực tế đạt được của học sinh sẽ khó có thể tồn tại, mặt khác trách nhiệm của giáo viên trong quá trình dạy học sẽ nâng lên.

IV. Kết quả

Sau thời gian áp dụng “Một số biện pháp nâng cao trách nhiệm của giáo viên trong giảng dạy và đánh giá chất lượng học tập môn Tiếng Việt ở lớp 1”, tôi nhận thấy có sự chuyển biến rõ rệt về ý thức trách nhiệm của giáo viên trong quá trình dạy học nói chung và dạy học Tiếng Việt 1 nói riêng. Giáo viên có trách nhiệm và nghiêm túc trong quá trình xây dựng kế hoạch, coi trọng công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường trong tổ chức tốt các hoạt động dạy học Tiếng Việt tại lớp tại nhà. Sử dụng hiệu quả các ứng dụng mạng xã hội trong giao bài, hướng dẫn học sinh học tập, luyện tập củng cố, thực hành kiến thức Tiếng Việt trong cuộc sống tại gia đình. Hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt ngày càng được củng cố và đi vào thực chất, đánh giá định kỳ và cuối năm học của giáo viên đối với học sinh phù hợp với

thực tế. Giáo viên tự giác và chủ động trong việc thực hiện các mục tiêu dạy học Tiếng Việt không áp lực chỉ tiêu lên quá trình đánh giá học sinh. Kết quả cụ thể về đánh giá kết quả kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt cuối năm học 2020-2021 so với cuối học kỳ I năm học 2020-2021 như sau:

Thời điểm	Lớp	Số	Lần điểm	Điểm kiểm tra Tiếng Việt do GV chủ nhiệm chấm		Điểm do tổ kiểm tra khảo sát lại		Tỷ lệ chênh lệch tăng hoặc giảm so với kết quả đánh giá của giáo viên ở mỗi lần điểm		Thời điểm	Lớp	Số	Lần điểm	Điểm kiểm tra Tiếng Việt do GV chủ nhiệm chấm		Điểm do tổ kiểm tra khảo sát lại		Tỷ lệ chênh lệch tăng hoặc giảm so với kết quả đánh giá của giáo viên ở mỗi lần điểm		Ghi chú	
				SL	TL	SL	TL	Tăng	Giảm					SL	TL	Tăng	Giảm				
Cuối học kỳ I năm học 2020-2021 (Khi chưa áp dụng thử)	1A	37	10	0	0	0	0	0	0	0	Cuối năm học 2020-2021 (Sau khi áp dụng thử)	1A	36	10	0	0	0	0	0	0	<i>Cuối năm học 2020-2021 đánh giá của giáo viên đã phù hợp với thực tế</i>
			9	4	10.81	6	16.22	5.41	0	9				9	26.5	9	26.5	0	0		
			8	4	10.81	3	8.11	0	2.7	8				12	35.3	12	35.3	0	0		
			7	9	24.32	9	24,32	0	0	7				2	5.9	2	5.9	0	0		
			6	9	24,32	9	24.32	0	0	6				4	11.8	4	11.8	0	0		
			5	5	13.51	6	16.22	2.71	0	5				6	17.6	6	17.6	0	0		
			<5	6	16.22	4	10.81	0	5.41	<5				1	2.9	1	2.9	0	0		
			<5	6	16.22	4	10.81	0	5.41	<5				1	2.8	1	2.8	0	0		

Thời điểm	Lớp	Số	Lần điểm	Điểm kiểm tra Tiếng Việt do GV chủ nhiệm chấm		Điểm do tổ kiểm tra khảo sát lại		Tỷ lệ chênh lệch tăng hoặc giảm so với kết quả đánh giá của giáo viên ở mỗi lần điểm		Thời điểm	Lớp	Số	Lần điểm	Điểm kiểm tra Tiếng Việt do GV chủ nhiệm chấm		Điểm do tổ kiểm tra khảo sát lại		Tỷ lệ chênh lệch tăng hoặc giảm so với kết quả đánh giá của giáo viên ở mỗi lần điểm		Ghi chú	
				SL	TL	SL	TL	Tăng	Giảm					SL	TL	S	L	Tăng	Giảm		
Học kỳ I, năm học 2020-2021 (Khi chưa áp dụng thử)	1B	38	10	0	0	0	0	0	0	Cuối năm học 2020-2021 (Sau khi áp dụng thử)	1B	36	10	0	0	0	0	0	0	0	
			9	5	13.1	7	18.4	5.3	0				9	6	16.7	6	16.7	0	0		
			8	9	23.7	8	21.1	0	2.6				8	13	36.1	13	36.1	0	0		
			7	5	13.1	5	13.1	0	0				7	6	16.7	6	16.7	0	0		
			6	8	21.1	8	21.1	0	0				6	5	13.9	5	13.9	0	0		
			5	5	13.1	6	15.8	2.7	0				5	5	13.9	5	13.9	0	0		
			<5	6	15.8	4	10.5	0	5.3				<5	1	2.7	1	2.7	0	0		

Nhìn vào bảng thống kê có thể thấy cuối học kỳ I năm học 2020-2021 khi chưa áp dụng thử việc đánh giá chất lượng học sinh của giáo viên chưa thực sự phù hợp với thực tế chất lượng đạt được, giáo viên có xu hướng đánh giá “chặt tay” ở cuối học kỳ I nhất là ở làn điểm 9-10, và <5 điểm - nhóm điểm là một trong những căn cứ đánh giá học sinh chưa hoàn thành môn học). Tuy nhiên, sau khi áp dụng thử các giải pháp từ sau đánh giá giữa kỳ II năm học 2020-2021, việc tổ chức duy trì, nâng cao chất lượng trong năm học được giáo viên thực hiện khá tốt, công tác đánh giá cho điểm học sinh được giáo viên thực hiện nghiêm túc hơn, tỷ lệ chênh lệch giữa đánh giá của giáo viên với kết quả kiểm tra của nhà trường không còn.

Như vậy, có thể nói việc áp dụng các giải pháp đã mang lại hiệu quả, giáo viên đã ngày càng có ý thức trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là quá trình tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu giáo dục đã xác định và đăng ký. Và như vậy, việc đánh giá khen thưởng cho học sinh cũng phù hợp hơn, không có hiện tượng “khen nhầm”.

C. KẾT LUẬN

I. Kết luận

Học chữ là giai đoạn khó khăn đầu tiên và quan trọng nhất trong đời học sinh. Tổ chức dạy học tốt môn Tiếng Việt 1 là yếu tố quan trọng hàng đầu, là cơ sở để học sinh học tốt các môn học khác tại nhà trường,....Do đó, với nội dung của đề tài này, đề nâng cao trách nhiệm của giáo viên trong dạy học cũng như đánh giá chất lượng môn Tiếng Việt 1, bên cạnh sự cố gắng nỗ lực của giáo viên, quản lý cần đồng hành và có phương pháp phù hợp để từng bước thúc đẩy nâng cao chất lượng. Phương châm quan trọng của việc quản lý chất lượng tổng thể hay quản lý chất lượng toàn diện là “ làm tốt ngay từ đầu”, chú ý ngăn ngừa rủi ro, tránh sai sót ngay từ khâu đầu tiên của quá trình làm ra sản phẩm (theo tiến sĩ Trần Thị Tuyết Mai -trưởng cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh đã trích dẫn trong tài liệu “ Một số vấn đề cơ bản về lý luận quản lý giáo dục ” năm 2010: Phương châm), do đó trong nhà trường cần làm cho cán bộ, giáo viên có thói quen thực hiện công việc một cách kỹ lưỡng, chu đáo - đó chính là khâu đầu tiên của quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục - Lập kế hoạch giáo dục, phải định hướng các nội dung cần có của một bản kế hoạch chất lượng, cách để tìm kiếm, thu thập thông tin, cách để xây dựng và tổ chức hiệu quả các giải pháp dạy học,...Thực hiện tốt khâu này chính là sự chuẩn bị tốt nhất cho cả một quá trình tiếp theo. Hơn thế, quản lý chất lượng tổng thể còn là sự cải tiến liên tục, do đó, từ cán bộ quản lý, giáo viên đến học sinh phải luôn cải tiến công việc của mình (cải tiến phương pháp dạy học, quản lý, học tập,...) cả về mặt chuyên môn lẫn công tác phối kết hợp các môi trường giáo dục,....Người cán bộ quản lý cần phải đồng hành và tham gia vào các quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục cùng giáo viên, phải luôn theo dõi và hỗ trợ giáo viên trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, kịp thời hỗ trợ giáo viên khi gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ cả về mặt chuyên môn lẫn công tác phối kết hợp các môi trường giáo dục,....., đồng thời phải phát huy tốt công

tác kiểm tra, giám sát trong quản lý, có như vậy hoạt động giáo dục của nhà trường mới ngày càng hiệu quả, đảm bảo tính thực chất, tránh sai sót trong quá trình thực hiện.

II. Kiến nghị

Để nâng cao trách nhiệm của giáo viên trong hoạt động giảng dạy và đánh giá chất lượng học tập môn Tiếng Việt 1, cần làm tốt một số nội dung sau:

1. Đối với các cấp quản lí giáo dục:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá;
- Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên và tổ chuyên môn.

2. Đối với giáo viên

- Chủ động trong công tác lập kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, chủ động và tích cực trong việc phối kết hợp các môi trường giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy, phát huy vai trò người học, đánh giá chất lượng nghiêm túc, đúng thực chất.

Với khả năng và thời gian có hạn, đề tài này chỉ giới hạn một số giải pháp quản lý đã thực hiện trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học và đánh giá chất lượng học tập môn Tiếng Việt 1. Mong nhận được sự quan tâm đóng góp của Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, của các cấp quản lí và đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI THỰC HIỆN

Vũ Thị Minh Thảo

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006) *Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/6/2006 về Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*;
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT về sửa đổi bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 /8/2014*;
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018CTGDPT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* ;
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học*;
6. Trần Thị Tuyết Mai (2010), *Bài giảng Một số vấn đề cơ bản về lý luận quản lý giáo dục*, Trường Cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh.

